

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Trước thông tin tích cực về thuế quan, VN-Index tăng trần ngay khi mở cửa phiên sáng. Thị trường sau đó chứng kiến hiện tượng “trắng bên bán”, khiến việc khớp lệnh gần như đóng băng cả ngày. VN-Index kết phiên tại mốc 1,168.34 điểm, tăng hơn 74 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong ngắn hạn, thị trường có thể tiếp tục nhịp hồi phục; nhà đầu tư cần theo dõi sát sao các thông tin liên quan đến chính sách thuế quan từ Hoa Kỳ vì thị trường chứng khoán đang giao dịch dựa trên những thông tin này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+74.04** điểm, đóng cửa tại **1168.34** điểm. HNX-Index **+15.74** điểm, đóng cửa tại **208.32** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+7.18)**, **BID (+3.77)**, **VIC (+3.56)**, **VHM (+3.23)**, **CTG (+3.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TTE (-0.02)**, **VAF (-0.01)**, **VID (0.00)**, **HU1 (0.00)**, **HAS (0.00)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,623** tỷ đồng, giảm **-84.75%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 6,270 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 2.54 điểm. Thị trường có **534** mã tăng, 5 mã tham chiếu, **7** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-829.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KBC (-145.14 tỷ)**, **TLG (-124.75 tỷ)**, **CTG (-85.07 tỷ)**, **VNM (-78.70 tỷ)**, **SSI (-76.75 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-21.53** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+6.99%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+9.81%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+7.00%)
MSB (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+7.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
IDC (+9.91%)
MBS (+9.87%)
TNG (+9.59%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	6.99%	7.08%	6.77%	6.90%
1 tuần	-15.43%	-14.79%	-5.00%	-2.64%
1 tháng	-24.56%	-24.04%	-12.32%	-10.35%
3 tháng	-19.87%	-15.88%	-5.05%	-3.40%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,168.34	208.32	92.84
% 1D	6.77%	8.17%	9.99%
GTGD (tỷ VND)	4,623	585	894
%1D	-84.75%	-64.01%	4.71%
GDNN (tỷ VND)	-829.92	-21.53	-123.77

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ACB	131.73	KBC	-145.14
VIC	20.92	TLG	-124.75
TCB	16.30	CTG	-85.07
MBB	15.49	VNM	-78.70
VRE	9.66	SSI	-76.75

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,457	9.52%	-3.77%
FTSE100	7,987	4.00%	-5.76%
Eurostoxx	4,874	5.57%	-4.67%
Shanghai	3,224	1.16%	-3.78%
Nikkei	34,564	8.99%	-0.49%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	63.50	-3.03%
Giá vàng	3,105	0.30%

Tỷ giá

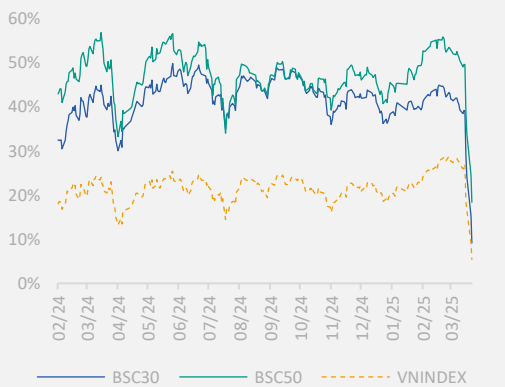
		%
USD/VND	26,000	-0.70%
EUR/VND	29,135	-1.05%
JPY/VND	180	-1.64%

Lãi suất

		%
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.02%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



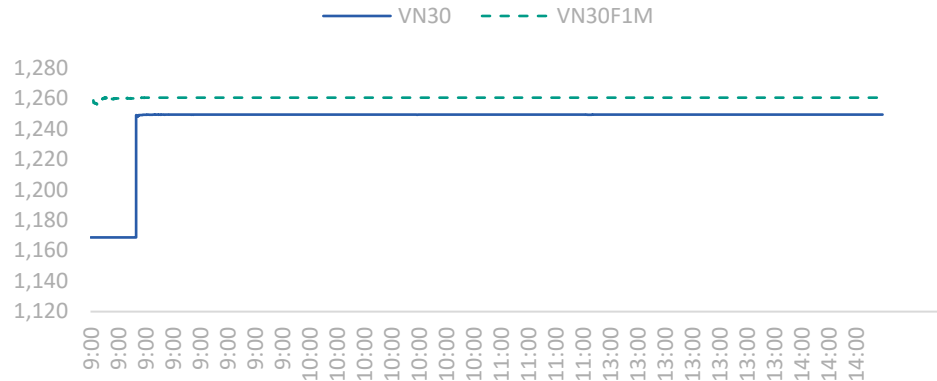
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1257.20	7.00%	27	-93.7%	9/18/2025	161
VN30F2504	1260.40	6.99%	48,841	-91.6%	4/17/2025	7
VN30F2505	1256.00	6.99%	268	-86.9%	5/15/2025	35
VN30F2506	1252.30	7.00%	62	-89.9%	6/19/2025	70

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +80.61 điểm, đóng cửa tại 1249.29 điểm. Biên độ dao động 80.61 điểm. Các cổ phiếu như TCB, FPT, LPB, ACB, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Thị trường mở cửa đón nhận tin tích cực. Kết phiên VN30 tăng hơn 80 điểm, các hợp đồng tương lai neo ở mức giá trần. Thị trường thiết lập trạng thái trắng bên bán, khối lượng khớp lệnh ở mức thấp.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2401	5/21/2025	41	463,000	-81.86%	6.55	610	1120.0%	10.82	8.97	49.45	49.45
CMSN2405	4/28/2025	18	4,795,100	-84.87%	7.90	60	500.0%	11.48	8.14	53.80	53.80
CVPB2412	6/30/2025	81	14,500	-84.30%	2.28	200	400.0%	7.40	2.68	17.05	17.05
CMBB2406	4/28/2025	18	3,331,400	-79.41%	2.50	510	363.6%	4.89	4.54	22.05	22.05
CACB2504	5/26/2025	46	1,432,100	-84.98%	2.60	450	350.0%	10.36	3.50	23.30	23.30
CVIB2405	4/28/2025	18	370,700	-83.31%	1.80	610	306.7%	8.15	3.02	18.10	18.10
CACB2403	4/28/2025	18	4,607,300	-86.52%	2.50	160	300.0%	5.20	3.14	23.30	23.30
CFPT2403	4/28/2025	18	146,300	-86.54%	13.41	440	300.0%	24.98	15.15	112.60	112.60
CHPG2407	4/28/2025	18	4,031,900	-85.05%	2.60	200	300.0%	5.04	3.40	22.75	22.75
CHPG2501	6/26/2025	77	224,200	-80.35%	2.55	640	300.0%	6.74	4.47	22.75	22.75
CHPG2509	8/5/2025	117	28,400	-79.25%	2.80	640	300.0%	6.66	4.72	22.75	22.75
CMWG2406	7/28/2025	109	86,800	-80.42%	6.60	770	266.7%	10.74	9.68	49.45	49.45
CFPT2502	10/27/2025	200	1,270,700	-78.15%	17.00	760	261.9%	9.60	24.60	112.60	112.60
CMWG2408	5/14/2025	34	69,400	-85.16%	6.50	140	250.0%	7.16	7.34	49.45	49.45
CHPG2503	5/26/2025	46	172,200	-84.18%	2.70	450	246.2%	10.03	3.60	22.75	22.75
CVPB2410	8/14/2025	126	600	-79.77%	2.10	450	246.2%	4.99	3.45	17.05	17.05
CHPG2402	5/21/2025	41	384,600	-83.06%	2.82	380	245.5%	7.32	3.85	22.75	22.75
CVNM2401	5/21/2025	41	318,200	-82.95%	6.33	410	241.7%	6.42	9.48	55.60	55.60
CMSN2501	6/26/2025	77	362,700	-81.12%	7.20	370	236.4%	5.83	10.16	53.80	53.80
CMBB2409	6/30/2025	81	288,600	-78.06%	2.89	390	225.0%	3.84	4.84	22.05	22.05

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*****: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 10/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

• CMWG2401 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 1120.00%. CVHM2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.81%.

• CVIC2501, CVHM2503, CVIC2405, CVIC2502, CFPT2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	56.10	6.86%	7.18	8.36
BID	34.70	6.93%	3.77	7.02
VIC	60.90	6.84%	3.56	3.82
VHM	51.80	6.80%	3.23	4.11
CTG	36.15	6.95%	3.01	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	229.00	9.99%	2.52	0.20
KSF	67.00	9.30%	1.03	0.30
PVI	59.40	10.00%	0.77	0.23
MBS	24.50	9.87%	0.76	0.57
HUT	14.70	9.70%	0.70	0.89

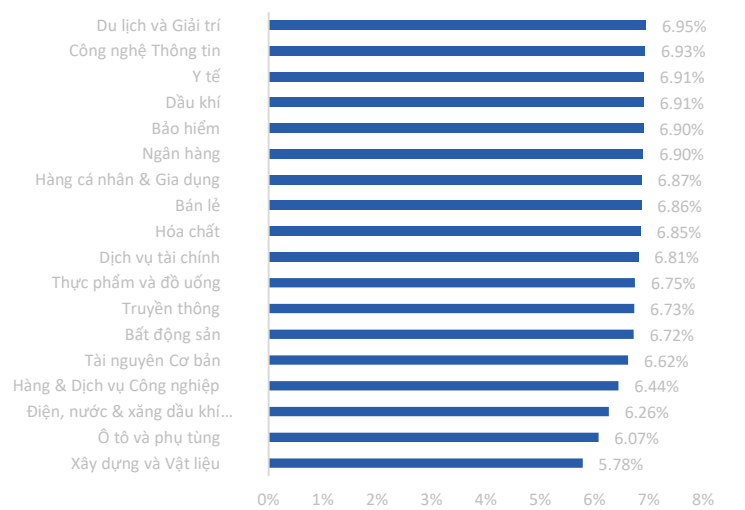
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ACL	9.63	7.00%	0.01	0.05
BHN	37.45	7.00%	0.14	0.00
DHA	37.45	7.00%	0.01	0.01
DRC	21.40	7.00%	0.04	0.31
FUEMAV3	14.98	7.00%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	229.00	9.99%	14.32	0.08
SLS	204.90	9.98%	0.63	0.03
HGM	328.60	9.97%	1.29	0.00
MAC	21.00	9.95%	0.10	0.01
CSC	18.80	9.94%	0.22	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTE	37.40	-6.97%	-0.02	0.03
VAF	14.90	-6.58%	-0.01	0.04
VID	5.20	-3.88%	0.00	0.04
HU1	6.00	-6.25%	0.00	0.01
HAS	8.08	-5.05%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.30	-3.62%	-0.18	0.68
CLM	79.80	-3.74%	-0.02	0.01
VTV	9.80	-9.26%	-0.02	0.03
CTP	20.30	-8.97%	-0.01	0.01
KDM	13.90	-9.74%	-0.01	0.01

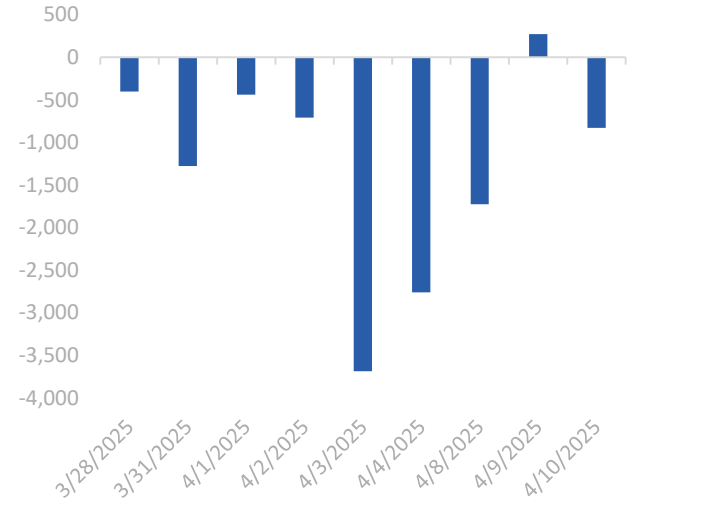
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTE	37.40	-6.97%	-0.02	0.00
VAF	14.90	-6.58%	-0.01	0.00
HU1	6.00	-6.25%	0.00	0.00
HAS	8.08	-5.05%	0.00	0.00
VID	5.20	-3.88%	0.00	0.04

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KDM	13.90	-9.74%	-0.03	0.09
QTC	15.80	-9.71%	-0.01	0.02
BXH	13.50	-9.40%	-0.01	0.00
VTV	9.80	-9.26%	-0.09	0.71
PGN	9.00	-9.09%	-0.02	1.14

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	49.5	6.9%	1.5	67,594	27.8	2,544	18.2		46.5%	
KBC	Bất động sản	23.7	7.0%	1.5	17,002	275.6	498	44.5		18.7%	
KDH	Bất động sản	25.9	6.8%	1.4	24,520	114.5	863	28.1		35.8%	
PDR	Bất động sản	16.1	7.0%	1.9	13,141	70.7	191	78.9	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	51.8	6.8%	0.8	199,209	44.6	7,349	6.6	58,200	12.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	112.6	6.9%	0.9	154,904	229.7	5,371	19.6	163,000	42.2%	Link
BSR	Dầu khí	15.6	6.9%	0.0	45,112	12.0	204	71.5		0.3%	
PVS	Dầu khí	23.5	9.8%	1.4	10,228	5.5	2,238	9.6	40,300	16.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.4	7.0%	1.4	17,063	17.1	1,571	15.1		42.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	22.0	6.8%	1.3	40,415	167.8	1,536	13.4		36.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.3	6.9%	1.3	23,015	11.8	1,537	20.9		29.7%	
DCM	Hóa chất	27.0	6.9%	1.4	13,341	3.0	2,682	9.4	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	78.2	7.0%	1.5	27,762	12.1	7,864	9.3	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.3	6.9%	0.8	97,373	135.9	3,759	5.8		29.6%	
BID	Ngân hàng	34.7	6.9%	0.8	227,843	22.1	3,637	8.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	36.2	7.0%	1.1	181,506	105.1	4,720	7.2		26.8%	
HDB	Ngân hàng	19.5	6.9%	1.1	63,610	326.6	3,667	5.0		17.1%	
MBB	Ngân hàng	22.1	6.8%	1.0	126,012	80.0	3,729	5.5	26,300	22.5%	Link
MSB	Ngân hàng	10.7	7.0%	1.1	26,000	46.7	2,123	4.7	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	35.4	7.0%	1.0	62,401	19.5	5,351	6.2		21.6%	
TCB	Ngân hàng	25.3	7.0%	1.1	166,731	132.6	3,054	7.7	31,400	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	12.5	6.8%	1.0	30,911	16.0	2,298	5.1	-	24.0%	Link
VCB	Ngân hàng	56.1	6.9%	0.8	438,673	11.0	4,049	13.0		22.5%	
VIB	Ngân hàng	18.1	6.8%	1.0	50,496	11.7	2,424	7.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.1	6.9%	1.1	126,546	32.8	1,989	8.0	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	22.8	6.8%	1.4	136,240	79.1	1,879	11.3	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.2	6.8%	1.8	8,228	25.3	935	14.2	22,700	7.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.5	6.8%	1.6	7,346	16.6	2,712	8.1	31,000	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	53.8	7.0%	1.4	72,349	96.5	1,345	37.4		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.6	6.9%	0.7	108,678	106.4	4,494	11.6		49.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	30.8	6.96%	1.7	6,301	11.4	2,042	14.1	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	132.7	6.93%	0.7	16,908	7.2	2,331	53.3	32.1%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	41.8	6.91%	1.0	29,025	2.4	2,843	13.8	26.7%	9.6%	
DIG	Bất động sản	16.0	6.69%	1.8	9,117	451.0	188	79.6	2.3%	1.5%	
DXG	Bất động sản	13.2	6.91%	1.7	10,711	22.0	350	35.1	20.4%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	22.4	6.92%	1.5	3,737	21.0	384	54.6	2.6%	3.1%	
HDG	Bất động sản	21.1	6.85%	1.4	6,626	44.1	1,036	19.0	19.8%	5.8%	
IDC	Bất động sản	37.7	9.91%	1.5	11,319	33.1	6,049	5.7	20.4%	37.7%	
NLG	Bất động sản	27.8	6.94%	1.6	9,993	39.5	1,346	19.3	37.3%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.0	6.98%	0.0	13,579	39.6	5,584	11.6	6.0%	29.5%	
SZC	Bất động sản	33.5	6.86%	1.5	5,643	81.6	1,809	17.3	2.7%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	15.4	6.97%	1.5	9,589	5.6	1,466	9.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	60.9	6.84%	0.9	217,949	233.5	3,069	18.6	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	19.3	6.94%	1.0	40,902	36.8	1,802	10.0	19.6%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	30.9	6.93%	1.3	6,096	25.4	1,478	19.5	36.1%	11.4%	
PLX	Dầu khí	33.1	6.95%	1.1	39,325	8.0	2,274	13.6	17.5%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	17.8	6.91%	1.3	9,255	24.6	1,255	13.3	8.1%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.8	6.96%	1.7	11,656	10.3	1,869	20.4	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	24.5	9.87%	1.6	12,773	13.7	1,583	14.1	7.1%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	54.3	6.89%	0.9	119,008	3.1	4,439	11.4	1.8%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.6	6.75%	1.2	23,255	4.1	475	20.9	3.8%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.2	6.89%	1.0	28,732	9.5	4,237	14.4	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	84.6	6.95%	0.6	42,841	35.4	2,632	30.1	12.7%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.9	6.85%	1.8	17,575	26.0	1,910	10.7	10.7%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.2	6.99%	1.1	17,732	98.6	4,611	9.2	40.9%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.2	6.99%	1.1	5,852	4.2	4,408	10.2	10.6%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.9	6.99%	1.2	6,622	13.9	3,071	6.1	12.1%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	107.7	6.95%	0.0	12,264	70.6	3,146	32.0	6.6%	24.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	67.1	6.85%	1.0	21,220	13.8	6,300	10.0	47.2%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.7	6.83%	1.0	2,832	49.9	2,710	10.3	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.0	9.59%	1.5	1,790	15.8	2,568	5.7	16.5%	17.4%	
DPM	Hóa chất	29.8	6.82%	1.4	10,899	2.6	1,374	20.3	8.5%	4.8%	Link
GVR	Hóa chất	25.6	6.89%	1.6	95,800	64.6	997	24.0	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	16.7	6.73%	1.0	29,058	213.3	1,786	8.7	3.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.7	6.98%	0.3	94,099	15.9	3,254	9.7	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.7	6.73%	0.0	21,412	22.3	2,702	5.8	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.3	6.99%	1.0	23,622	6.0	1,287	7.4	19.4%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	6.99%	1.8	5,125	21.8	1,367	8.4	5.4%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	13.3	6.85%	1.6	3,302	4.8	180	69.0	0.6%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.1	6.93%	0.5	8,558	22.4	1,535	18.3	4.6%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.2	6.92%	0.8	56,561	28.2	3,376	13.1	59.3%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.5	6.99%	1.3	10,594	81.5	5,463	8.6	24.4%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	122.0	6.92%	0.7	9,340	48.5	12,103	9.4	83.0%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	68.8	7.00%	1.4	6,425	15.3	3,734	17.2	48.8%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	79.0	6.90%	1.3	8,453	9.0	4,705	15.7	7.8%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.2	6.99%	1.7	2,659	0.7	3,553	11.9	7.5%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	10.7	7.00%	1.4	4,323	5.5	987	10.1	6.9%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.7	6.78%	1.2	6,598	3.0	1,307	14.1	16.3%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.5	6.87%	1.2	10,894	4.2	1,548	11.8	6.6%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.2	6.96%	1.5	16,432	23.4	2,464	14.9	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_ Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>